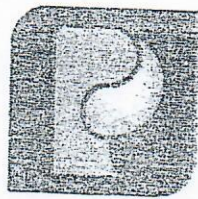


TẬP ĐOÀN XĂNG DẦU VIỆT NAM



PETROLIMEX

TIÊU CHUẨN CƠ SỞ

TCCS 02:2020/PLX

DẦU HỎA DÂN DỤNG – YÊU CẦU KỸ THUẬT

*Kerosene – Specifications*



HÀ NỘI - 2020

- 0 -

## Lời nói đầu

Tiêu chuẩn cơ sở **TCCS 02:2020/PLX** thay thế **TCCS 02:2015/PLX**.

Tiêu chuẩn cơ sở **TCCS 02:2020/PLX** là tài liệu quy định các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật của sản phẩm Dầu hỏa dân dụng (KO) đã được Tổng giám đốc Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (Petrolimex) phê duyệt và công bố áp dụng theo quyết định số: **170** LX-QĐ-TGD ngày **14** tháng **04** năm 2020.

Tiêu chuẩn cơ sở này có thể được xem xét, sửa đổi, bổ sung để đảm bảo tính thực tiễn sử dụng và phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành.

## Dầu hỏa dân dụng – Yêu cầu kỹ thuật

### *Kerosene – Specifications*

#### 1. Phạm vi áp dụng

Tiêu chuẩn này quy định các chỉ tiêu chất lượng cho dầu hỏa dùng cho mục đích dân dụng như thắp sáng và đun nấu.

#### 2. Thuật ngữ, định nghĩa và từ viết tắt

- TCVN: Tiêu chuẩn Quốc gia Việt Nam.
- ASTM: Tiêu chuẩn của Hiệp hội Thử nghiệm Vật liệu Mỹ.
- IP: Tiêu chuẩn của Viện dầu mỏ Anh quốc.
- max: Mức cao nhất cho phép của một chỉ tiêu.
- min: Mức thấp nhất cho phép của một chỉ tiêu.
- Dầu hỏa 1-K: Là tên hàng hóa của dầu hỏa dân dụng có hàm lượng lưu huỳnh lớn nhất là 0,04 % khối lượng.
- Dầu hỏa 2-K: Là tên hàng hóa của dầu hỏa dân dụng có hàm lượng lưu huỳnh lớn nhất là 0,30 % khối lượng.

#### 3. Tài liệu viện dẫn

Đối với các tài liệu viện dẫn ghi năm ban hành thì áp dụng bản được nêu. Đối với các tài liệu viện dẫn không ghi năm ban hành thì áp dụng phiên bản mới nhất, bao gồm cả các sửa đổi.

- Quyết định số 457/QĐ-TĐC ngày 06/4/2016 của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng về việc ban hành Hướng dẫn phương pháp lấy mẫu xăng dầu.
- TCVN 2693 (ASTM D93) Sản phẩm dầu mỏ - Phương pháp xác định điểm chớp cháy bằng thiết bị thử cốc kín Pensky-Martens.
- TCVN 2694 (ASTM D130) Sản phẩm dầu mỏ - Phương pháp xác định độ ăn mòn đồng bằng phép thử tấm đồng.



- TCVN 2698 (ASTM D86) Sản phẩm dầu mỡ - Phương pháp xác định thành phần cất ở áp suất khí quyển.
- TCVN 3171 (ASTM D445) Chất lỏng dầu mỡ trong suốt và không trong suốt - Phương pháp xác định độ nhớt động học (và tính toán độ nhớt động lực).
- TCVN 3172 (ASTM D4294) Dầu mỡ và sản phẩm dầu mỡ - Phương pháp xác định lưu huỳnh bằng phổ huỳnh quang tán xạ năng lượng tia X.
- TCVN 4354 (ASTM D156) Sản phẩm dầu mỡ - Xác định màu Saybolt (phương pháp so màu Saybolt).
- TCVN 6022 (ISO 3171) Chất lỏng dầu mỡ - Lấy mẫu tự động trong đường ống.
- TCVN 6240:2002 Dầu hoả dân dụng - Yêu cầu kỹ thuật.
- TCVN 6608 (ASTM D3828) Sản phẩm dầu mỡ - Phương pháp xác định điểm chớp cháy cốc kín bằng thiết bị thử có kích thước nhỏ.
- TCVN 6701 (ASTM D2622) Sản phẩm dầu mỡ - Phương pháp xác định lưu huỳnh bằng phổ huỳnh quang tán xạ tia X.
- TCVN 6702 (ASTM D3244) Xử lý kết quả thử nghiệm để xác định sự phù hợp với yêu cầu kỹ thuật.
- TCVN 6777 (ASTM D4057) Dầu mỡ và sản phẩm dầu mỡ - Phương pháp lấy mẫu thủ công.
- TCVN 7418 (ASTM D1322) Nhiên liệu tuốc bin hàng không - Phương pháp xác định chiều cao ngọn lửa không khói.
- TCVN 7485 (ASTM D56) Sản phẩm dầu mỡ - Phương pháp xác định điểm chớp cháy bằng thiết bị thử cốc kín Tag.
- TCVN 7759 (ASTM D4176): Nhiên liệu chung cất – Xác định nước tự do và tạp chất dạng hạt (Phương pháp quan sát bằng mắt thường).
- TCVN 7760 (ASTM D5453) Hydrocacbon nhẹ, nhiên liệu động cơ đánh lửa, nhiên liệu động cơ điêzen và dầu động cơ - Phương pháp xác định tổng lưu huỳnh bằng huỳnh quang tử ngoại.

- TCVN 8314 (ASTM D4052) Sản phẩm dầu mỏ dạng lỏng - Xác định khối lượng riêng và khối lượng riêng tương đối bằng máy đo khối lượng riêng kỹ thuật số.
- IP 30 Detection of mercaptans, hydrogen sulfide, elemental sulfur and peroxides - Doctor test method (Phát hiện các hợp chất mercaptan, hydrosulfua các lưu huỳnh và peroxit nguyên tố - Phương pháp thử nghiệm Doctor).

#### 4. Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử

Các chỉ tiêu chất lượng và phương pháp thử tương ứng của Dầu hỏa dân dụng được quy định trong Bảng 1.

**Bảng 1 - Chỉ tiêu chất lượng của Dầu hỏa dân dụng**

| T<br>T | Tên chỉ tiêu                               | Mức                            |             | Phương pháp thử  |
|--------|--|--------------------------------|-------------|--|
|        |  | Dầu hỏa 1-K                    | Dầu hỏa 2-K |  |
| 1      | Điểm chớp cháy cốc kín, °C, min            | 38                             |             | TCVN 2693 (ASTM D93)<br>TCVN 6608 (ASTM D3828)<br>TCVN 7485 (ASTM D56)     |
| 2      | Nhiệt độ cất, °C                           |                                |             | TCVN 2698 (ASTM D86)   |
|        | - 10% thể tích, max                        | 205                            |             |  |
|        | - Điểm sôi cuối, max                       | 300                            |             |  |
| 3      | Hàm lượng lưu huỳnh, % khối lượng, max     | 0,04                           | 0,30        | TCVN 3172 (ASTM D4294)<br>TCVN 6701 (ASTM D2622)<br>TCVN 7760 (ASTM D3453) |
| 4      | Chiều cao ngọn lửa không khói, mm, min     | 19                             |             | TCVN 7418 (ASTM D1322)   |
| 5      | Ăn mòn đồng ở 100 °C, trong 3 giờ, max     | Số 3                           |             | TCVN 2694 (ASTM D130)  |
| 6      | Độ nhớt động học ở 40 °C, cSt, min-max     | 0,8-1,9                        |             | TCVN 3171 (ASTM D445)  |
| 7      | Lưu huỳnh mercaptan, định tính             | Âm tính                        |             | ASTM D4952<br>IP 30  |
| 8      | Khối lượng riêng ở 15°C, kg/m <sup>3</sup> | Báo cáo                        |             | TCVN 6594 (ASTM D1298)<br>TCVN 8314 (ASTM D4052)                           |
| 9      | Ngoại quan                                 | Trong, sạch, không có tạp chất |             | TCVN 7759 (ASTM D4176)   |

#### 5. Lấy mẫu thử

Lấy mẫu theo TCVN 6777 (ASTM D4057) hoặc TCVN 6022 (ISO 3171) và quy định hiện hành của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng.

